Chương VII. ĐIỀU KIỆN CỤ THỂ CỦA HỢP ĐỒNG

E-ĐKC 1.1	Chủ đầu tư: Tổng công ty Truyền tải điện Quốc gia (EVNNPT) Đại diện Chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án truyền tải điện – Chi nhánh Tổng công ty Truyền tải điện Quốc gia.
E-ĐKC 1.3	Nhà thầu: _____ *[ghi tên, địa chỉ, số tài khoản, mã số thuế, điện thoại, fax, email của Nhà thầu]*
E-ĐKC 1.10	Địa điểm dự án: Cải tạo đường dây 220kV Châu Đốc - Kiên Bình mạch đơn hiện hữu thành đường dây 220kV Châu Đốc - Kiên Bình mạch kép. Bao gồm xây dựng các đoạn đường dây: 01 mạch đi song song với mạch 1 hiện hữu; 02 mạch trên hành lang sau khi tháo dỡ của đường dây mạch 1 hiện hữu. Tổng chiều dài khoảng 71,14km từ thanh cái 220kV TBA 220kV Châu Đốc hiện hữu (xã Châu Đốc tỉnh An Giang) đến thanh cái 220kV TBA 220kV Kiên Bình hiện hữu (xã Hòa Điền tỉnh An Giang)
E-ĐKC 1.11	Ngày hợp đồng có hiệu lực: Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày hai bên ký hợp đồng.
E-ĐKC 2.2 (i)	Các tài liệu khác: _____ *[Ghi các tài liệu khác, nếu có]*
E-ĐKC 4.1	Việc sử dụng tài liệu và thông tin liên quan đến hợp đồng: Các tài liệu sau đây cũng là một phần của Hợp đồng: - Bên B cam kết không tiết lộ, làm lộ bất kỳ thông tin, tài liệu bí mật Nhà nước và nội bộ của EVN/ EVNNPT và NPTPMB nào được Bên A cung cấp để thực hiện hợp đồng, liên quan đến Hợp đồng (kể cả khi Hợp đồng chấm dứt) hay các hoạt động liên quan đến công việc của chủ đầu tư cho bất kỳ tổ chức, cá nhân không có trách nhiệm được biết khi chưa được chủ đầu tư đồng ý và chấp thuận trước bằng văn bản; - Khi Hợp đồng chấm dứt Bên B cam kết bàn giao lại cho Bên A toàn bộ tài liệu chứa đựng hoặc có nguồn gốc từ thông tin mật hay độc quyền của Bên A mà Bên B nắm giữ do Bên A cung cấp để thực hiên hợp đồng (nếu có); - Trường hợp Bên B vi phạm hoặc thiếu sót trong việc

	tuân thủ cam kết bảo mật thông tin, tiết lộ thông tin, Bên B phải chịu mọi trách nhiệm pháp lý và bồi thường toàn bộ thiệt hại cho Bên A theo quy định của Pháp luật
E-ĐKC 5.1	Các trường hợp khác:_____*[ghi các trường hợp khác (nếu có). Trường hợp không áp dụng thì ghi "không áp dụng"]*
E-ĐKC 7	Loại hợp đồng: Theo đơn giá cố định và trọn gói.
E-ĐKC 8	Giá hợp đồng bao gồm toàn bộ các chi phí, lãi và bất kỳ khoản thuế nào mà nhà thầu phải nộp. (1) Đối với loại hợp đồng trọn gói: giá hợp đồng là cố định đối với phạm vi công việc nêu trong hợp đồng và điều khoản tham chiếu. (2) Đối với hợp đồng theo đơn giá cố định: đơn giá không thay đổi trong suốt thời gian thực hiện đối với toàn bộ nội dung công việc trong hợp đồng.
E-ĐKC 10	**10.1. Tạm ứng** Trong vòng 14 ngày làm việc kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực, Bên A tư sẽ tạm ứng cho bên B số tiền bằng 15% giá trị hợp đồng (giá trị trước thuế) với điều kiện như sau: - Có Văn bản đề nghị tạm ứng của nhà thầu - Có bảo lãnh tạm ứng hợp đồng với mức tương đương giá trị được tạm ứng của nhà thầu. Bảo lãnh tạm ứng phải là bảo lãnh vô điều kiện, không hủy ngang do một Ngân hàng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành với số tiền tương đương số tiền tạm ứng. Thời gian bảo lãnh tạm ứng theo tiến độ thực hiện hợp đồng tính từ khi phát hành cho đến 30 ngày sau ngày dự kiến thu hồi hết giá trị tạm ứng. **Gia hạn bảo lãnh tạm ứng:** Nếu Bên A chưa thu hồi hết tạm ứng tại thời điểm 30 ngày trước khi Bảo lãnh tạm ứng hết hiệu lực, Bên B phải gia hạn hiệu lực của Bảo lãnh tạm ứng và nộp cho Bên A tối thiểu 23 ngày trước khi Bảo lãnh tạm ứng hết hiệu lực. Nếu Bên B không giao nộp đúng hạn, Bên A có quyền tịch thu toàn bộ giá trị Bảo lãnh tạm ứng. Mọi chi phí liên quan đến gia hạn, bổ sung giá trị, hiệu chỉnh Bảo lãnh tạm ứng do Bên B chi trả. **Tịch thu bảo lãnh tạm ứng:** Bên A có quyền tịch thu Bảo lãnh tạm ứng trong các trường hợp sau: (1) Bên A

	có bằng chứng trong việc Bên B sử dụng tiền tạm ứng sai mục đích; (2) Bên B không gia hạn Bảo lãnh tạm ứng tại thời điểm 30 ngày trước khi Bảo lãnh tạm ứng hết hiệu lực mà Bên A chưa thu hồi hết tạm ứng; (3) Bên B không bổ sung khoản tiền tương ứng vào Bảo lãnh tạm ứng để đảm bảo giá trị Bảo lãnh tạm ứng theo quy định. Bên A có quyền khấu trừ hoặc tịch thu Bảo lãnh tạm ứng trong trường hợp Bên B vi phạm các nghĩa vụ theo hợp đồng hoặc từ chối gia hạn bảo lãnh theo quy định. Nếu nhà thầu là nhà thầu liên danh, bất kỳ thành viên nào trong liên danh vi phạm quy định tại các trường hợp trên thì Bên A có quyền tịch thu bảo lãnh. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu Bên A lựa chọn khấu trừ bất kỳ khoản tiền nào mà Bên B có nghĩa vụ chi trả theo hợp đồng thì sau đó Bên B có trách nhiệm phải bổ sung khoản tiền tương ứng vào Bảo lãnh tạm ứng để đảm bảo giá trị Bảo lãnh tạm ứng như quy định nếu không Bên A có quyền tịch thu Bảo lãnh tạm ứng. **Hoàn trả tiền tạm ứng:** Tiền tạm ứng được thu hồi qua các lần thanh toán khối lượng hoàn thành của hợp đồng với tỷ lệ tạm ứng trên nguyên tắc Chủ đầu tư bắt đầu thu hồi từ lần thanh toán đầu tiên và thu hồi hết khi giá trị thanh toán khối lượng hoàn thành đạt 80% giá trị hợp đồng. **10.2. Thanh toán** Phương thức thanh toán: Chuyển khoản hoặc bù trừ công nợ, Bên B chịu phí chuyển tiền. - Đồng tiền thanh toán: VND. - Số lần thanh toán: Tối đa 05 lần. - Thời hạn thanh toán: Thời hạn và giá trị thanh toán của hợp đồng căn cứ trên khối lượng công việc nghiệm thu và thực hiện như sau: **Công tác khảo sát phục vụ lập TKKT** + Trong vòng 14 ngày làm việc kể từ ngày Báo cáo khảo sát đã được Bên A nghiệm thu và Bên B lên khối lượng giá trị thực hiện, Bên A thanh toán cho Bên B tới 90% giá trị được nghiệm thu *(tạm thời chưa thanh toán cho Bên B 5% giá trị phần chất lượng sản phẩm và 5% giá trị chờ quyết toán)*. **Công tác lập TKKT-TDT** + Sau khi TKKT-TDT được cấp có thẩm quyền phê

	duyệt, Bên A sẽ thanh toán cho Bên B đến 90% tổng giá trị hạng mục "Chi phí lập TKKT-TDT" (có thu hồi giá trị tạm ứng) (*tạm thời chưa thanh toán 5% giá trị chờ quyết toán và 5% giá trị thực hiện phần chất lượng sản phẩm cho Bên B*). Trong trường hợp Bên B có văn bản đề nghị thanh toán sau khi giao nộp hồ sơ TKKT-TDT, Bên A có thể xem xét thanh toán đến 70% tổng giá trị hạng mục "Chi phí lập TKKT-TDT" (có thu hồi giá trị tạm ứng) sau 30 ngày kể từ ngày Bên A nhận được hồ sơ TKKT-TDT do Bên B lập, được Bên A thông qua và trình cấp có thẩm quyền phê duyệt. + Phần chất lượng sản phẩm (đối với công tác lập TKKT): Khi giai đoạn TKBVTC không có những thay đổi lớn về giải pháp kỹ thuật so với ban đầu mà do lỗi của Nhà thầu gây ra, Chủ đầu tư sẽ thanh toán tiếp 5% phần chất lượng sản phẩm cho nhà thầu vào thời điểm quyết toán gói thầu (tổng giá trị thanh toán sẽ không vượt quá 95% giá trị hợp đồng, tạm thời chưa thanh toán cho Nhà thầu 5% giá trị chờ quyết toán). **Công tác lập TKBVTC** + Trong vòng 30 ngày kể từ khi có quyết định phê duyệt TKBVTC, hai bên lập biên bản nghiệm thu sản phẩm và lên giá trị khối lượng thực hiện, Chủ đầu tư thanh toán cho Nhà thầu tới 80% tổng giá trị hạng mục "Chi phí lập TKBVTC" (có thu hồi giá trị tạm ứng). + Công tác hoàn chỉnh TKBVTC (sau khi có VTTB): Chủ đầu tư sẽ thanh toán đến 95% tổng giá trị hạng mục "Chi phí lập TKBVTC" sau 14 ngày làm việc kể từ ngày Chủ đầu tư nhận được hồ sơ TKBVTC phần liên quan đến thiết bị do Nhà thầu hoàn chỉnh (có thu hồi giá trị tạm ứng) (tạm thời chưa thanh toán cho Nhà thầu 5% giá trị chờ quyết toán). **Công tác lập Hồ sơ mời thầu (HSMT):** Sau khi HSMT được lập hoàn chỉnh và được phê duyệt, hai bên lập biên bản nghiệm thu sản phẩm và lên khối lượng giá trị thực hiện, Chủ đầu tư thanh toán cho Nhà thầu 95% giá trị hạng mục công việc đã thực hiện *(tạm thời chưa thanh toán cho Nhà thầu 5% giá trị chờ quyết toán)*. **Các công tác thỏa thuận:** Trong vòng 30 ngày kể từ

	ngày công tác thỏa thuận được cấp có thẩm quyền phê duyệt, Chủ đầu tư thanh toán cho Nhà thầu 95% giá trị hợp đồng hạng mục thỏa thuận (*tạm thời chưa thanh toán cho Nhà thầu 5% giá trị chờ quyết toán*). *** Hồ sơ thanh toán giai đoạn:** + Biên bản nghiệm thu chất lượng, khối lượng công việc thực hiện; + Bảng xác định giá trị thanh toán; + Bản thanh toán đợt…; + Giấy đề nghị thanh toán; + Hóa đơn thuế giá trị gia tăng. *** Hồ sơ quyết toán:** + Biên bản nghiệm thu chất lượng, khối lượng công việc thực hiện; + Bảng chi tiết giá trị quyết toán hợp đồng; + Bản tính giá trị quyết toán hợp đồng xây dựng; + Biên bản tổng kết hợp đồng; + Giấy đề nghị thanh toán; + Hóa đơn thuế giá trị gia tăng. *** Giá trị còn lại (5%):** Bên A sẽ thanh toán cho bên B sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt quyết toán vốn đầu tư của dự án. Hồ sơ thanh toán gồm: + Đối chiếu công nợ A-B; + Giấy đề nghị thanh toán. ** Ngoài các yêu cầu trên, công tác thanh toán phải đảm bảo tuân thủ theo đúng quy định của EVNNPT theo từng thời kỳ..* ***Thanh lý hợp đồng:** Hợp đồng được thanh lý sau khi các bên hoàn thành các nghĩa vụ của hợp đồng.
E-ĐKC 11	Bảo hành sản phẩm của dịch vụ*: Không áp dụng.*
E-ĐKC 12	Thời gian thực hiện hợp đồng: 150 ngày
E-ĐKC 13.1	Thời gian bên nhận yêu cầu trả lời yêu cầu sửa đổi hợp đồng của Chủ đầu tư hoặc nhà thầu: 15 ngày.
E-ĐKC 13.2 (e)	Các trường hợp khác: không có
E-ĐKC 14.2	Thời gian nhà thầu thực hiện việc thay thế nhân sự: 07 ngày.
E-ĐKC 16.1	Danh sách nhà thầu phụ:_____ *[Ghi danh sách nhà thầu phụ phù hợp với danh sách nhà thầu phụ nêu trong E-HSDT].*
E-ĐKC 16.2	Tổng giá trị công việc mà nhà thầu phụ thực hiện không vượt quá: 10% giá trị hợp đồng.

E-ĐKC 16.4	Yêu cầu khác về nhà thầu phụ:_____ *[Ghi yêu cầu khác về nhà thầu phụ (nếu có)].*
E-ĐKC 17	- Mức khấu trừ: + Do chậm tiến độ: Trừ trường hợp bất khả kháng, nếu nhà thầu tư vấn chậm tiến độ thực hiện hợp đồng thì sẽ bị phạt hợp đồng với Mức khấu trừ: 0,1% giá trị công việc chậm hoàn thành cho mỗi ngày chậm hoàn thành công việc theo hợp đồng. Mức khấu trừ tối đa: 12% giá trị hợp đồng bị vi phạm. Tiến độ của hợp đồng được xác định từ khi hợp đồng có hiệu lực hoặc tiến độ theo thông báo cuộc họp thẩm tra dự án. + Do chất lượng: Bên B phải thực hiện dịch vụ đảm bảo đúng các cam kết và đáp ứng các yêu cầu về chất lượng công việc như quy định trong hợp đồng này. Nếu Bên B không đảm bảo được chất lượng dịch vụ theo các cam kết nêu trong hợp đồng này thì bị Bên A phạt 12% giá trị hợp đồng bị vi phạm. Nếu tổng số lần phải hiệu chỉnh hồ sơ theo yêu cầu của đơn vị quản lý dự án, chủ đầu tư, cơ quan chuyên môn về xây dựng, người có thẩm quyền vượt quá 2 lần thì cũng xem là không đảm bảo chất lượng và bị khấu trừ 0,5% giá trị hợp đồng bị vi phạm cho mỗi lần hiệu chỉnh. - Bồi thường thiệt hại: Áp dụng. + Bồi thường thiệt hại trên cơ sở toàn bộ thiệt hại thực tế; + Tổng giá trị bồi thường thiệt hại tối đa: Nhà thầu phải bồi thường cho Chủ đầu tư và bên thứ 3 (nếu có) toàn bộ (100%) giá trị thiệt hại thực tế.
E-ĐKC 19.1	Chấm dứt hợp đồng do sai phạm của nhà thầu: - Nhà thầu không bố trí được nhân sự chủ chốt như nêu trong HSDT hoặc nhân sự thay thế không có trình độ kinh nghiệm và năng lực tương đương; - Nếu trong vòng 30 ngày kể từ ngày nhận được thông báo của Chủ đầu tư về sai sót hoặc chậm trễ của Tư vấn khi thực hiện các nghĩa vụ theo Hợp đồng này, Tư vấn vẫn không có biện pháp sửa chữa các sai sót đó;

	- Nếu Tư vấn rơi vào tình trạng giải thể. - Nếu sự kiện bất khả kháng, sau 30 ngày kể từ ngày xảy ra sự kiện này mà Tư vấn không thể thực hiện được dịch vụ. - Trong trường hợp Chủ đầu tư có bằng chứng về bán thầu, thì hợp đồng sẽ được chấm dứt và mọi hậu quả do việc bán thầu gây nên, nhà thầu Tư vấn phải chịu hoàn toàn trách nhiệm. - Nếu nhà thầu đơn phương chấm dứt Hợp đồng trái luật thì phải chịu phạt vi phạm và bồi thường thiệt hại theo quy định.
E-ĐKC 20	Chấm dứt hợp đồng do lỗi của Chủ đầu tư: - Quá 56 ngày kể từ ngày Nhà thầu đệ trình đầy đủ hồ sơ đề nghị thanh toán hợp lệ theo quy định của hợp đồng và Nhà thầu đã có văn bản nhắc đề nghị thanh toán, nhưng Chủ đầu tư chưa thanh toán. - Nếu Chủ đầu tư đơn phương chấm dứt Hợp đồng trái luật thì phải chịu phạt vi phạm và bồi thường thiệt hại theo quy định.
E-ĐKC 22.2	Giải quyết tranh chấp: - Trong quá trình thực hiện nếu có sự bổ sung thay đổi nhiệm vụ, các bên cùng bàn bạc giải quyết và phải được lập thành văn bản, phụ lục hợp đồng. Các văn bản, phụ lục kèm theo là một phần không thể tách rời hợp đồng này; - Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc gì cần giải quyết thì hai bên phải thông báo cho nhau bằng văn bản và chủ động hợp tác giải quyết; - Trường hợp phát sinh tranh chấp các bên có thể giải quyết thông qua việc thương lượng trực tiếp với nhau; - Nếu sau 30 ngày kể từ khi bắt đầu thương lượng mà các bên không đạt được thỏa thuận về giải quyết tranh chấp theo hợp đồng hoặc một bên đã đề nghị thương lượng nhưng bên còn lại không phản hồi thì một trong hai bên có thể yêu cầu giải quyết tranh chấp đó qua tòa án của cấp có thẩm quyền. Ngôn ngữ được sử dụng trong tố tụng trọng tài là tiếng Việt; - Quyết định của tòa án được coi là phán quyết cuối cùng và có hiệu lực bắt buộc thi hành với cả hai bên. Bên thua kiện sẽ phải chịu chi phí tòa án.
E-ĐKC 23.1	Địa chỉ để hai bên thông báo cho nhau những thông tin

	theo quy định: - Địa chỉ liên lạc của đại diện Chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án truyền tải điện – Chi nhánh Tổng công ty Truyền tải điện Quốc gia. Địa chỉ liên hệ: Tại tầng 4, 5 Tòa nhà Sao Mai Plaza, Lô 03, 04-3A KCN Hoàng Mai, 435A đường Tam Trinh, P. Hoàng Văn Thụ, Q. Hoàng Mai, TP.Hà Nội. Điện thoại: 0246. 6850505 - Địa chỉ liên lạc của nhà thầu: _____ Điện thoại: _____ Fax: _____ E-mail: _____